

Bản án số: 39/2026/DS-ST

Ngày: 19-5-2026

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Diệu.

2. Ông Lê Thành Đông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trúc – Thư ký viên của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Thiện.

Ngày 19 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2026/TLST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2026 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2026/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2026/QĐST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Ngọc S**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp T, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Bà **Võ Thị V**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Ấp H, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

(Bà Nguyễn Thị Ngọc S có mặt, bà Võ Thị V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, Đơn khởi kiện bổ sung; Bản tự khai; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc S trình bày:

Do quen biết và cùng ở địa phương nên bà có cho bà Võ Thị V vay tiền nhiều lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 26/11/2024, bà cho bà V vay số tiền là 30.000.000 đồng; lãi suất là 3%/tháng; bà V nói là vay tiền để làm ăn; hai bên không thỏa thuận thời hạn vay, khi nào bà V có tiền thì trả cho bà. Bà V có đóng lãi cho bà được vài tháng (đóng không đầy đủ, bà không nhớ cụ thể) thì không đóng nữa, khi đóng lãi các bên không lập thành văn bản gì. Số tiền gốc 30.000.000 đồng đến nay bà V chưa trả cho bà.

Lần 2: Ngày 20/12/2024, bà cho bà V vay số tiền là 310.000.000 đồng; lãi suất là 3%/tháng; bà V nói là vay tiền để làm ăn; hai bên không thỏa thuận thời hạn vay, khi nào bà V có tiền thì trả cho bà. Bà V có đóng lãi cho bà được vài tháng (đóng không đầy đủ, bà không nhớ cụ thể) thì không đóng nữa, khi đóng lãi các bên không lập thành văn bản gì. Số tiền gốc 310.000.000 đồng đến nay bà V chưa trả cho bà.

Lần 3: Ngày 16/02/2025, bà cho bà V vay số tiền là 30.000.000 đồng; lãi suất là 3%/tháng; bà V nói là vay tiền để làm ăn; hai bên không thỏa thuận thời hạn vay, khi nào bà V có tiền thì trả cho bà. Bà V không có đóng lãi cho bà. Số tiền gốc 30.000.000 đồng đến nay bà V chưa trả cho bà.

Khi vay tiền, bà V có viết các Giấy không đề tựa đề ngày 26/11/2024, ngày 20/12/2024 và ngày 16/02/2025 (giấy tay, không có công chứng/chứng thực), viết tại nhà bà và đưa cho bà giữ, bà đã cung cấp cho Tòa án.

Bà đã nhiều lần yêu cầu bà V trả các số tiền vay trên nhưng bà V luôn né tránh và cố tình không trả cho bà.

Do đó, bà khởi kiện yêu cầu bà V có nghĩa vụ trả số tiền đã vay cho bà tổng cộng là 370.000.000 đồng. Trước đây, bà có yêu cầu bà V trả tiền lãi kể từ ngày 15/12/2025 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 0,83%/tháng. Nhưng nay bà chỉ yêu cầu bà V trả tiền lãi kể từ ngày tiếp theo ngày bà V nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án đối với yêu cầu khởi kiện sửa đổi, bổ sung của bà là ngày 05/3/2026 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 19/5/2026 với mức lãi suất 0,83%/tháng. Bà không khởi kiện đối với chồng của bà V do bà không có tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập nhưng bị đơn bà V đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định tại các Điều 204, 97, 239, 243, 247, 248, 249, 258, 260 và Điều 237 của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Nguyên đơn tuân thủ đúng quy định tại

Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan do không có mặt theo các Thông báo của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 6 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà S, buộc bà V trả cho bà S số tiền nợ vay là 370.000.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 05/3/2026 đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án là 7.575.000 đồng.

Về án phí: Bị đơn bà V là người chịu án phí có giá ngạch là 18.879.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án:

Bà Nguyễn Thị Ngọc S khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long giải quyết buộc bà Võ Thị V trả số tiền đã vay theo các Giấy không đề tựa đề ngày 26/11/2024, ngày 20/12/2024 và ngày 16/02/2025. Theo các Giấy không đề tựa trên thì bà V cư trú tại ấp H, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là ấp H, xã C, tỉnh Vĩnh Long). Theo Công văn số 38/CAX-CSKV ngày 16/3/2026 của Công an xã C, tỉnh Vĩnh Long thì bà V có đăng ký thường trú tại địa chỉ trên nhưng hiện không còn sinh sống tại địa chỉ trên, hiện không rõ bà V đang sinh sống tại đâu. Do đó, có căn cứ xác định bà V có tình giấu địa chỉ.

Như vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án thì đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long và Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long tiếp tục giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Bị đơn bà V đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà V.

Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà S:

Theo bà S trình bày thì bà có cho bà V vay số tiền gốc tổng cộng là 370.000.000 đồng theo các Giấy không đề tựa đề ngày 26/11/2024, ngày 20/12/2024 và ngày 16/02/2025; lãi suất là 3%/tháng; hai bên không thỏa thuận thời hạn vay; đến nay đã lâu nhưng bà V không trả cho bà số tiền vay trên mặc dù bà đã yêu cầu nhiều lần nên bà khởi kiện.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà S là các Giấy không đề tựa đề ngày 26/11/2024, ngày 20/12/2024 và ngày 16/02/2025 có chữ ký tên dưới dạng “V”, ghi rõ họ tên “Võ Thị V” do bà S cung cấp, theo đó vào ngày 26/11/2024 bà Võ Thị V, sinh năm 1976 ở tại ấp H, xã C, số CMND: 083176015925 có mượn của bà Nguyễn Thị Ngọc S số tiền 30.000.000 đồng; vào ngày 20/12/2024 Võ Thị V, sinh năm 1976, thẻ chứng minh: 083176015925, ở ấp H, xã C, G có mượn của bà Nguyễn Thị Ngọc S số tiền 310.000.000 đồng và vào ngày 16/02/2025, bà V có mượn của bà Nguyễn Thị Ngọc S số tiền 30.000.000 đồng; đều không ghi thời hạn vay và lãi suất vay. Tuy nhiên, bà S thừa nhận hai bên thỏa thuận miệng lãi suất vay là 3%/tháng. Tòa án đã nhiều lần triệu tập họp lệ bà V đến để giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà S nhưng bà V đều vắng mặt không có lý do, cũng không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà S. Do đó, có căn cứ xác định đây là các hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn, có lãi; đều là bản viết tay, không có công chứng hoặc chứng thực. Điều 463 Bộ luật dân sự quy định: “Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”. Điều luật này không quy định bắt buộc về hình thức của hợp đồng vay tài sản và cũng không yêu cầu phải công chứng hoặc chứng thực. Tại Công văn số 38/CAX-CSKV ngày 16/3/2026 của Công an xã C, tỉnh Vĩnh Long đã xác nhận bà Võ Thị V, sinh năm 1976, căn cước công dân: 083176015925 có đăng ký thường trú tại địa chỉ ấp H, xã C, tỉnh Vĩnh Long. Như vậy, các hợp đồng vay tài sản trên có giá trị pháp lý theo quy định tại Điều 117, Điều 119 Bộ luật dân sự, từ đó ràng buộc quyền, nghĩa vụ của bà S, bà V và từ đó có cơ sở xác định bà V có vay của bà S số tiền tổng cộng là 370.000.000 đồng.

Hợp đồng vay tài sản giữa bà S và bà V là Hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn, bà S đã yêu cầu nhiều lần nhưng đến nay bà V vẫn chưa trả các số tiền đã vay cho bà S; ngày 15/12/2025 bà S nộp đơn khởi kiện tại Tòa án, đến ngày

04/3/2026 nộp đơn khởi kiện bổ sung, ngày 04/3/2026 đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà S cho bà V. Tòa án đã nhiều lần triệu tập họp lệ bà V đến để giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà S nhưng bà V đều vắng mặt không có lý do, cũng không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà S. Khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự quy định: “Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản, còn bên vay cũng có quyền trả lại tài sản bất cứ lúc nào và chỉ phải trả lãi cho đến thời điểm trả nợ, nhưng cũng phải báo trước cho bên cho vay một thời gian hợp lý”. Như vậy, việc bà S khởi kiện yêu cầu bà V trả số tiền gốc tổng cộng là 370.000.000 đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

Về số tiền lãi, tại điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: “Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn thì thời gian chậm trả nợ gốc bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày hết “thời gian hợp lý” đến thời điểm xét xử sơ thẩm. “Thời gian hợp lý” quy định tại Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 1995, Điều 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 do Tòa án căn cứ vào từng trường hợp cụ thể để xem xét, quyết định nhưng không quá 03 tháng kể từ ngày thông báo”. Xét thấy, bà S không chứng minh được “thời gian hợp lý” mà bà thông báo yêu cầu bà V trả nợ cho bà, bà S yêu cầu bà V trả tiền lãi kể từ ngày tiếp theo ngày bà V nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án đối với yêu cầu khởi kiện sửa đổi, bổ sung của bà là ngày 05/3/2026 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 19/5/2026 với mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận. Số tiền lãi bà V phải trả cho bà S là $370.000.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} = 7.575.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng cộng số tiền bà V phải trả cho bà S là 377.575.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 370.000.000 đồng, số tiền lãi là 7.575.000 đồng.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà S.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của bà S được chấp nhận, buộc bà V có nghĩa vụ trả cho bà S tổng số tiền gốc cộng lãi là 377.575.000 đồng nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $377.575.000 \text{ đồng} \times 5\% = 18.879.000 \text{ đồng}$ do bà V phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 117, 119, 357, 463, 468 và Điều 469 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án;

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm,

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc S đối với bị đơn bà Võ Thị V theo các Giấy không đề tựa đề ngày 26/11/2024, ngày 20/12/2024 và ngày 16/02/2025.

Buộc bà Võ Thị V có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Ngọc S số tiền vay tổng cộng là 377.575.000 (ba trăm bảy mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng, trong đó số tiền gốc là 370.000.000 (ba trăm bảy mươi triệu) đồng, số tiền lãi là 7.575.000 (bảy triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 18.879.000 (mười tám triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn) đồng, buộc bị đơn bà Võ Thị V phải nộp.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc S được nhân lại số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 9.250.000 (chín triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002186 ngày 30/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về thi hành án:

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Yến